

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **2430** /UBND-KGVX
V/v tham mưu báo cáo đánh giá
tình hình triển khai Quyết định số
392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của
Thủ tướng Chính phủ

Đắk Lắk, ngày **29** tháng 3 năm 2019

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông

Thực hiện Công văn số 798/BTTTT-CNTT ngày 21/3/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc đánh giá tình hình triển khai Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 (*phô tô văn bản gửi kèm*), UBND tỉnh chỉ đạo như sau:

Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, tham mưu UBND tỉnh báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao tại Khoản 5, Mục IV, Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ theo quy định. Báo cáo UBND tỉnh **trước ngày 25/4/2019**.

Nhận được Công văn này, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện./ *ln*

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, Nvụ, TC;
- Phòng TH; HCTC (QC45a);
- Lưu: VT, KGVX (H^TN - 15b_H).

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Bùi Hồng Quý

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **798** /BT-TT-CNTT

V/v Đánh giá tình hình triển khai

Quyết định số 392/QĐ-TTg của Thủ tướng

Chính phủ ngày 27/3/2015

Hà Nội, ngày **21** tháng 3 năm 2019

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK

Số: **2801**....

ĐẾN 26 -03- 2019

Chuyên:

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 27/03/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 392/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình), Bộ Thông tin và Truyền thông được Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Chương trình này. Ngày 20/02/2019, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 430/VPCP-TH thông báo Chương trình công tác năm 2019 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, theo đó Bộ Thông tin và Truyền thông được giao nhiệm vụ xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông Việt Nam giai đoạn 2021- 2025, tầm nhìn đến năm 2030, hướng tới cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Để có cơ sở đề xuất các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, đề án, dự án cho Chương trình giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030, Bộ Thông tin và Truyền thông đề nghị Quý Ủy ban nhân dân báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao tại Khoản 5, Mục IV, Quyết định 392/QĐ-TTg Quyết định số 392/QĐ-TTg theo Phụ lục gửi kèm.

Báo cáo đề nghị gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông **trước ngày 30/4/2019**: Bản cứng gửi về Vụ Công nghệ thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông, số 18 Nguyễn Du, Hà Nội; Bản mềm gửi về địa chỉ thư điện tử: thchung@mic.gov.vn để Bộ Thông tin và Truyền thông kịp thời tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp, hợp tác của Quý Ủy ban./. *✍*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phan Tâm;
- Lưu: VT, CNTT (6).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phan Tâm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
<ĐƠN VỊ>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng 4 năm 2019

MẪU BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN
QUYẾT ĐỊNH SỐ 392/QĐ-TTg NGÀY 27/03/2015 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
PHE DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2025

Căn cứ vào các nội dung, nhiệm vụ tại Quyết định số 392/QĐ-TTg, đề nghị trả lời các câu hỏi dưới đây những nhiệm vụ, hoạt động đã được triển khai để phát triển công nghiệp CNTT tại địa phương giai đoạn 2015 đến nay.

I. CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

I.1. Kết quả sản xuất, kinh doanh (triệu USD)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2018	Ghi chú
1	Doanh thu phần cứng, điện tử			
2	Doanh thu phần mềm			
3	Doanh thu nội dung số			
4	Doanh thu dịch vụ CNTT (trừ buôn bán, phân phối)			
5	Doanh thu buôn bán, phân phối sản phẩm, dịch vụ CNTT			
6	Tổng doanh thu công nghiệp CNTT			

I.2. Kết quả thu hút FDI từ 2015 đến nay (triệu USD)

- Tổng vốn thu hút FDI cho CNTT:
- Thu hút FDI cho phần cứng, điện tử:
- Thu hút FDI cho phần mềm và nội dung số:

I.3. Vị trí của thành phố về xếp hạng hấp dẫn về gia công phần mềm toàn cầu trong các năm từ 2014 đến nay:

I.4. Tỷ trọng % mua sắm các sản phẩm thương hiệu Việt Nam trong tổng kinh phí mua sắm đầu tư hàng năm của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và xã hội:

- Năm 2014:
- Năm 2018:

I.5. Tỷ trọng kinh phí thuê dịch vụ CNTT trên tổng chi phí mua sắm CNTT:

- Năm 2014:

- Năm 2018:

I.6. Kết quả xây dựng các Khu CNTT tập trung (số liệu tổng hợp từ các Khu báo cáo):

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2014	2018
1	Số lượng startup CNTT được thành lập trong các Khu tại địa phương	Doanh nghiệp		
2	Số lượng startup về công nghiệp 4.0 trong các Khu tại địa phương	Doanh nghiệp		

I.7. Số lượng nhân lực CNTT (Có trong báo cáo ICT Index)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2014	2018
1	Tổng số lao động CNTT	Người		
1.1	Lao động lĩnh vực phần cứng, điện tử	Người		
1.2	Lao động lĩnh vực phần mềm	Người		
1.3	Lao động lĩnh vực nội dung số	Người		
1.4	Lao động lĩnh vực dịch vụ CNTT (trừ buôn bán, phân phối)	Người		
1.5	Lao động lĩnh vực buôn bán, phân phối các sản phẩm, dịch vụ CNTT	Người		
2	Thu nhập bình quân hàng năm của lao động CNTT	Triệu VND /người		
2.1	Thu nhập bình quân của lao động lĩnh vực phần cứng, điện tử	Triệu VND /người		
2.2	Thu nhập bình quân của lao động lĩnh vực phần mềm	Triệu VND /người		
2.3	Thu nhập bình quân của lao động lĩnh vực nội dung số	Triệu VND /người		
2.4	Thu nhập bình quân của lao động lĩnh vực dịch vụ CNTT (trừ buôn bán, phân phối)	Triệu VND /người		
2.5	Thu nhập bình quân của lao động lĩnh vực buôn bán, phân phối các sản phẩm, dịch vụ CNTT	Triệu VND /người		

II. CÁC NHIỆM VỤ ĐÃ TRIỂN KHAI THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

1. Các hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực hoạt động và sức cạnh tranh của các tổ chức, doanh nghiệp

a) Báo cáo về các hoạt động khảo sát, đánh giá hiện trạng, vai trò của các tổ chức, doanh nghiệp và đề xuất giải pháp xây dựng, phát triển hệ sinh thái công nghiệp, dịch vụ CNTT tại địa phương:

.....
.....
.....

- Số lượng các cuộc khảo sát, đánh giá hiện trạng đã thực hiện từ năm 2015 đến nay:

b) Hỗ trợ xây dựng và áp dụng các chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế về quy trình sản xuất, quản lý chất lượng, bảo đảm an toàn thông tin, quản lý khách hàng (CMMi, ISO, ...) và các chuẩn quốc tế phù hợp khác cho các tổ chức, doanh nghiệp:

.....
.....
.....

- Số lượng doanh nghiệp, tổ chức được hỗ trợ xây dựng, áp dụng các chuẩn quốc tế:

c) Các khóa đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung, nâng cao kiến thức kỹ năng về các chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế trong lĩnh vực CNTT cho các cá nhân cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: tính từ 2015 đến nay

- Số khóa đào tạo:

- Số người được đào tạo:

d) Các hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp CNTT mới: hỗ trợ tư vấn, cơ sở vật chất, hạ tầng nhằm bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản trị, nghiên cứu phát triển sản phẩm, xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường đối với tổ chức, doanh nghiệp:

.....
.....
.....
.....

đ) các hỗ trợ khác để nâng cao năng lực cạnh tranh cho các tổ chức, doanh nghiệp CNTT:

.....
.....
.....

2. Phát triển sản phẩm CNTT trọng điểm

a) Đầu tư phát triển các sản phẩm phần mềm dùng trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và xã hội, (các phần mềm cho các hệ thống lớn, phần mềm ứng dụng trên mạng di động, mạng internet; phát triển các sản phẩm, giải pháp dựa trên phần mềm nguồn mở và trên nền công nghệ mở):

.....
.....
.....

- Hỗ trợ nâng cao năng lực của các doanh nghiệp phần mềm nguồn mở (PMNM), đào tạo đội ngũ chuyên gia kỹ thuật về PMNM; hỗ trợ đào tạo, chuyển giao, triển khai sản phẩm PMNM; nâng cao năng lực cho cộng đồng PMNM Việt Nam và xây dựng các trung tâm hỗ trợ về PMNM; biên soạn tài liệu, giáo trình đào tạo, ngân hàng đề thi và sát hạch về PMNM; tổ chức tuyên truyền, quảng bá, nâng cao nhận thức về PMNM và các nội dung liên quan khác:

.....
.....
.....

- Số phần mềm đã được phát triển trong CQNN, doanh nghiệp, xã hội: tính từ 2015 đến nay:

- Số phần mềm nguồn mở được phát triển tính từ 2015 đến nay:.....

- Số lượng khóa đào tạo, số người được đào tạo về PMNM từ 2015 đến nay:

b) Phát triển các sản phẩm nội dung số thương hiệu Việt; các sản phẩm phục vụ cơ quan nhà nước, giáo dục, nông nghiệp, nông thôn; các sản phẩm trên mạng di động, internet, công cụ, dịch vụ tìm kiếm trên mạng:

- Số sản phẩm nội dung số thương hiệu Việt được phát triển từ 2015 đến nay:

- Số sản phẩm nội dung số phục vụ CQNN, các lĩnh vực kinh tế xã hội

(giáo dục, y tế, giao thông,...) từ 2015 đến nay:

c) Đầu tư nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất các sản phẩm phần cứng, tích hợp hệ thống mà Việt Nam có lợi thế hoặc vì yêu cầu an toàn an ninh; các sản phẩm vi mạch, điện tử, bán dẫn; phát triển công nghiệp hỗ trợ trong lĩnh vực phần cứng - điện tử.

- Tổng mức đầu tư:.....

- Số lượng sản phẩm phần cứng được thiết kế, chế tạo từ 2015 đến nay: ...

d) Đầu tư phát triển các sản phẩm CNTT trọng điểm, sản phẩm an toàn thông tin, sản phẩm CNTT phục vụ các hệ thống thông tin quốc gia, an ninh, quốc phòng.

- Tổng mức đầu tư (triệu VNĐ):

- Số sản phẩm CNTT trọng điểm được đầu tư phát triển theo Thông tư 01/2017/TT-BTTTT:

- Số sản phẩm an toàn thông tin được đầu tư phát triển:

3. Phát triển dịch vụ CNTT

a) Nâng cao năng lực và sức cạnh tranh cho các tổ chức, doanh nghiệp dịch vụ CNTT(*liệt kê các hoạt động đã triển khai trong thời gian qua nhằm hỗ trợ xây dựng, đánh giá, áp dụng các chuẩn, tiêu chuẩn về quy trình, quản lý, đảm bảo chất lượng và an toàn thông tin trong cung cấp dịch vụ CNTT; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân lực làm dịch vụ CNTT; hỗ trợ các nội dung để phát triển một số tổ chức, doanh nghiệp chuyên nghiệp trong cung cấp dịch vụ CNTT cho thị trường trong nước và quốc tế, đặc biệt là cung cấp dịch vụ CNTT cho cơ quan nhà nước*):

.....
.....
.....

b) Các hoạt động đầu tư, hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, chuyển giao, cung cấp một số dịch vụ CNTT mà địa phương có lợi thế cạnh tranh, hoặc có hàm lượng chất xám cao, hoặc có khả năng xuất khẩu, hoặc được sử dụng nhiều trong các cơ quan nhà nước, dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, hoặc dịch vụ CNTT trên mạng mà có khả năng định hướng thông tin như các mạng xã hội, công cụ tìm kiếm, công cụ dịch, các sản phẩm giải trí trên mạng:

.....

.....

.....

c) Hỗ trợ phát triển ngành dịch vụ công nghệ thông tin, đặc biệt là dịch vụ gia công quy trình kinh doanh và dịch vụ gia công phần mềm, nội dung số cho nước ngoài. Khảo sát, đánh giá thị trường và xây dựng quy hoạch phát triển ngành, xây dựng hệ sinh thái dịch vụ CNTT Việt Nam; đầu tư xây dựng hệ thống đăng ký và thông tin về dịch vụ CNTT; tổ chức khảo sát, đánh giá, xếp hạng, gắn sao cho tổ chức, doanh nghiệp cung cấp một số loại dịch vụ CNTT tại Việt Nam.

.....

.....

.....

d) Hỗ trợ đầu tư phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao thông qua các giải pháp về cơ chế, chính sách ưu đãi thuế, xúc tiến thương mại, đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và đào tạo phát triển nguồn nhân lực.

- Các hoạt động xúc tiến đầu tư:

.....

.....

.....

- Chỉ cho xúc tiến đầu tư:

- Các hoạt động xúc tiến thương mại:

.....

.....

.....

- Chỉ cho xúc tiến thương mại:

đ) Phát triển ngành dịch vụ dữ liệu và phân tích dữ liệu tại Việt Nam, hình thành một số doanh nghiệp chuyên nghiệp về cung cấp dịch vụ dữ liệu và phân tích dữ liệu, đủ sức chiếm lĩnh thị trường nội địa, từng bước tiến ra thị trường quốc tế; nhà nước hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ dữ liệu và dịch vụ phân tích dữ liệu do các doanh nghiệp Việt Nam cung cấp.

.....

.....

5. Phát triển nguồn nhân lực CNTT

a) Hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn nâng cao kỹ năng quản lý, kiến thức, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm cho nhân lực CNTT phù hợp yêu cầu thực tế; đào tạo ngoại ngữ cho người làm CNTT và đào tạo kỹ năng CNTT cho người giỏi ngoại ngữ muốn làm CNTT; hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo về kỹ năng sử dụng CNTT, bồi dưỡng kỹ năng khai thác tài nguyên mạng, tài nguyên CNTT, kỹ năng sử dụng các dịch vụ trực tuyến cho doanh nghiệp, cộng đồng, người dân:

- Số lượng khóa đào tạo ngắn hạn đã được tổ chức từ 2015 đến nay:

- Số lượt người được đào tạo từ 2015 đến nay:

b) Bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức các cấp về kỹ năng sử dụng CNTT; bổ sung nội dung phần mềm nguồn mở vào các chương trình bồi dưỡng và thi tuyển, nâng ngạch cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Số khóa đào tạo từ 2015 đến nay:

- Số lượt người được đào tạo từ 2015 đến nay:

III. Kinh phí bố trí cho triển khai Chương trình từ 2015 đến 2018

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018
1	<i>Nguồn kinh phí của trung ương</i>				
1.1	Nguồn chi đầu tư phát triển				
1.2	Nguồn chi sự nghiệp				
2	<i>Nguồn kinh phí của địa phương</i>				
2.1	Nguồn chi đầu tư phát triển				
2.2	Nguồn chi sự nghiệp				
3	<i>Nguồn khác</i>				

IV. Các khó khăn, vướng mắc

1. Các khó khăn về cơ chế, chính sách:

.....

.....

2. Các khó khăn về nguồn vốn:

.....

.....

.....

3. Các khó khăn về giải pháp thực hiện:

.....

.....

.....

4. Các khó khăn khác:

.....

.....

.....

III. Các đề xuất, kiến nghị:

1. Về mục tiêu phát triển công nghiệp CNTT đến năm 2025, định hướng 2030

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2025	2030
1	Công nghiệp CNTT			
1.1	Doanh thu	Triệu USD		
1.2	Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu	%		
1.3	Xuất khẩu	Triệu USD		
1.4	Xuất siêu (Xuất khẩu - Nhập khẩu)	Triệu USD		
1.5	Nhân lực công nghiệp CNTT	Người		
1.6	Số lượng Startup CNTT mới thành lập	Doanh nghiệp		
1.7	Xếp hạng quốc tế (nếu có)			
1.8	Tỷ lệ đóng góp vào GDP địa phương	%		

2	Phần cứng, điện tử			
2.1	Doanh thu	Triệu USD		
2.2	Tỷ lệ tăng trưởng	%		
2.3	Xuất khẩu	Triệu USD		
2.4	Xuất siêu (Xuất khẩu - Nhập khẩu)	Triệu USD		
2.5	Nhân lực phần cứng, điện tử	Người		
2.6	Số lượng Startup mới thành lập	Doanh nghiệp		
2.7	Xếp hạng quốc tế (nếu có)			
3	Phần mềm			
3.1	Doanh thu	Triệu USD		
3.2	Tỷ lệ tăng trưởng	%		
3.3	Xuất khẩu	Triệu USD		
3.4	Xuất siêu (Xuất khẩu - Nhập khẩu)	Triệu USD		
3.5	Nhân lực phần mềm	Người		
3.6	Số lượng Startup mới thành lập	Doanh nghiệp		
3.7	Xếp hạng quốc tế (nếu có)			
4	Nội dung số			
4.1	Doanh thu	Triệu USD		
4.2	Tỷ lệ tăng trưởng	%		
4.3	Xuất khẩu	Triệu USD		
4.4	Xuất siêu (Xuất khẩu - Nhập khẩu)	Triệu USD		
4.5	Nhân lực nội dung số	Người		
4.6	Số lượng Startup mới thành lập	Doanh nghiệp		
5	Dịch vụ CNTT (trừ buôn bán, phân phối)			
5.1	Doanh thu	Triệu USD		

5.2	Tỷ lệ tăng trưởng	%		
5.3	Xuất khẩu	Triệu USD		
5.4	Xuất siêu (Xuất khẩu - Nhập khẩu)	Triệu USD		
5.5	Nhân lực dịch vụ CNTT	Người		
5.6	Số lượng Startup mới thành lập	Doanh nghiệp		
5.7	Xếp hạng quốc tế (nếu có)			
6	Buôn bán, phân phối sản phẩm, dịch vụ CNTT trong nước			
6.1	Doanh thu	Triệu USD		
6.2	Tỷ lệ tăng trưởng	%		
6.3	Nhân lực buôn bán, phân phối sản phẩm, dịch vụ CNTT	Người		

7. Mục tiêu phát triển Khu CNTT tập trung:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2025	2030
7.1	Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong Khu	Doanh nghiệp		
7.2	Số lượng nhân lực	Người		
7.3	Doanh thu	Triệu USD		
7.4	Xuất khẩu	Triệu USD		
7.5	Xuất siêu (Xuất khẩu - Nhập khẩu)	Triệu USD		
7.5	Số lượng startup CNTT được thành lập trong Khu tại địa phương	Doanh nghiệp		
7.6	Số lượng startup về công nghiệp 4.0 trong Khu tại địa phương	Doanh nghiệp		

8. Các mục tiêu phát triển liên quan đến công nghiệp 4.0:

(Liên quan đến định hướng, số lượng doanh nghiệp hoạt động, sản phẩm, dịch vụ, doanh thu, xuất khẩu, nhân lực,...)

+ Trí tuệ nhân tạo AI:

+ Phân tích dữ liệu Bigdata:

- + Internet vạn vật IoT:
- + Robotics:
- + Tự động hóa:
- + Khác:

2. Các nhiệm vụ, đề án, dự án cần triển khai

- Phát triển công nghiệp phần cứng, điện tử:

- Phát triển công nghiệp phần mềm:

- Phát triển công nghiệp nội dung số:

- Phát triển dịch vụ CNTT:

- Phát triển công nghiệp 4.0:

- Phát triển nhân lực CNTT:

.....
.....
- Phát triển khu CNTT tập trung:
.....
.....
.....

3. Các giải pháp thực hiện

- Giải pháp về cơ chế, chính sách cần tháo gỡ:
.....
.....
.....

- Giải pháp về tài chính, nguồn vốn:
.....
.....
.....

- Giải pháp về nhân lực:
.....
.....
.....

- Các giải pháp khác:
.....
.....

....., ngày tháng năm 2019

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN

(Ký tên và đóng dấu)

.....